

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **04 tháng 8 năm 2020**

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2/. Ông Trần Xuronne.

\* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim H**, sinh 1993

Địa chỉ: Số XX ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số YY ấp Đ1, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2019, nguyên đơn chị **Nguyễn Kim H** trình bày: Vào năm 2015, chị và anh Nguyễn Hoàng H1 cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/2015. Quá trình chung sống, anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/4/2017, hiện nay cháu đang sống chung với chị. Trong thời gian sống chung, chị và anh H1 thường xuyên cãi nhau, khi chị sinh con được 03 tháng thì anh H1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn anh H1, xin được trực tiếp

nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 trình bày:** Anh thống nhất với lời khai của chị H về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đầy đủ thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H và anh H1 được ly hôn, giao con chung cho chị H nuôi, anh H1 không cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[2] Vào năm 2015, chị H và anh H1 cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2015. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng trong thời gian sống chung anh chị thường xuyên cãi nhau, khi chị sinh cháu N được 03 tháng thì anh H1 bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh chị không còn chung sống với nhau cho đến nay nên chị yêu cầu ly hôn anh H1. Anh H1 xác định nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Thấy rằng, hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tại phiên tòa chị H kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị và anh H1 được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có một người con chung là cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/4/2017, hiện nay cháu đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi cháu N đến tuổi trưởng thành; anh H1 cũng có yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy việc chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được nuôi con chung là yêu cầu chính đáng, được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên, từ khi sinh cho đến nay cháu N được chị H nuôi dưỡng, sức khỏe, tinh thần của cháu đang phát triển bình thường, từ khi không còn ở chung, anh H1 không quan tâm, thăm nom cháu, để cháu N ổn định tâm lý và môi trường sống, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc,

giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H1, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim H.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim H được ly hôn anh Nguyễn Hoàng H1.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu N, sinh ngày 07/4/2017 cho chị Nguyễn Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hoàng H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Hoàng H1, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Hoàng H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Nguyễn Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002695 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như vậy, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh H1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

7/. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kê Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- [UBND xã Đ, huyện K-ST](#);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**